



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 05 | Tháng 5-2020

www.gvlawyers.com.vn



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

NỘI DUNG CHÍNH

01

Điểm Tin Pháp Luật

02

Bài Viết

03

Độc Báo Giúp Bạn

04

Giải Đáp Vương Mặc

05

Danh Mục Các Văn Bản Pháp Luật

Bản Tin Pháp Luật
Tháng 5/2020



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

Bản tin Pháp Luật
Tháng 5/2020

ĐIỂM TIN PHÁP LUẬT

01

Nghị định hướng
dẫn thi hành Luật
Đầu tư công

02

Cưỡng chế thi
hành án đối với
pháp nhân thương
mại

03

Một số điểm mới
của Nghị định
hướng dẫn Luật
Đấu thầu về lựa
chọn nhà đầu tư





Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công

Trên cơ sở Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/ 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (“**Nghị định 40**”).

Theo đó, Nghị định 40 gồm 8 Chương, 54 điều và 02 phụ lục đính kèm và được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công. Nghị định 40 có phạm vi điều chỉnh đối với 12 nội dung được quy định như sau:

- (i) Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C;
- (ii) Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định, quyết định chương trình, dự án; nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C;
- (iii) Nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư; nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, B, C tại nước ngoài;
- (iv) Phân cấp thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư đối với chương trình, dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư;
- (v) Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

(vi) Đối tượng, nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường để quyết định chủ trương đầu tư dự án;

(vii) Quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng;

(viii) Lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch trung hạn và hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư;

(ix) Giải pháp tổ chức, triển khai thực hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

(x) Trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước;

(xi) Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước;

(xii) Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.





Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công

Trong đó, đáng chú ý là nội dung quy định về hồ sơ và thời gian thẩm định chương trình, dự án đầu tư công, cụ thể như sau:

❖ Về hồ sơ thẩm định dự án đầu tư công

- Đối với hồ sơ thẩm định dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng, bao gồm:
 - Tờ trình thẩm định dự án, bao gồm: sự cần thiết đầu tư dự án; mục tiêu và những nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định dự án đầu tư công;
 - Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định tại Điều 44 của Luật Đầu tư công;
 - Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án đối với các dự án theo quy định tại Điều 74 của Luật Đầu tư công;
 - Các tài liệu khác có liên quan phục vụ cho việc thẩm định dự án đầu tư công (nếu có).
- Đối với hồ sơ thẩm định dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, ý kiến của cộng đồng dân cư và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- Số lượng hồ sơ thẩm định gửi Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định là 10 bộ.

❖ Về thời gian thẩm định chương trình, dự án đầu tư công

- Thời gian thẩm định chương trình, dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng kể từ ngày cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:
 - Chương trình mục tiêu quốc gia: không quá 60 ngày.
 - Chương trình đầu tư công (không bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): không quá 45 ngày.
 - Dự án nhóm A: không quá 45 ngày.
 - Dự án nhóm B, C: không quá 30 ngày.
- Thời gian thẩm định dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng.
- Thời gian thẩm định nội bộ do người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quy định.
- Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định chương trình, dự án, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định phải báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án cho phép gia hạn thời gian thẩm định. Thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng được quy định ở trên.

Nghị định 40 có hiệu lực từ ngày 06/4/2020 và làm hết hiệu lực một phần Nghị định 73/2019/NĐ-CP quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.



Cưỡng chế thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại

Vào ngày 08/4/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 44/2020/NĐ-CP quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại ("**Nghị định 44**"), căn cứ theo Luật thi hành án hình sự ngày 14/6/2019. Theo đó, Nghị định 44 gồm có 4 Chương, 46 Điều, quy định về nguyên tắc, biện pháp, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác được quy định tại Điều 163 Luật Thi hành án hình sự.

❖ **Các biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại** bao gồm: (i) phong tỏa tài khoản, (ii) kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền bảo đảm thi hành cưỡng chế biện pháp tư pháp (kê biên tài sản) và (iii) tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại.

❖ **Trình tự, thủ tục thực hiện biện pháp cưỡng chế**, cụ thể như sau:

❑ Đối với việc phong tỏa tài khoản:

Thực hiện phong tỏa tài khoản của pháp nhân thương mại phải dựa trên các căn cứ sau:

- Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
- Biên bản được lập theo quy định tại Điều 5 Nghị định này;
- Pháp nhân thương mại chấp hành án có tài khoản tại các tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi là tài khoản);
- Tài liệu xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại.

Biện pháp phong tỏa tài khoản có thể được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Thi hành cưỡng chế đối với việc chấp hành hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn (trong trường hợp đình chỉ tất cả các lĩnh vực);
- Thi hành cưỡng chế đối với việc chấp hành hình phạt cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định (trong trường hợp cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong tất cả các lĩnh vực); cấm huy động vốn;
- Thi hành cưỡng chế chấp hành biện pháp tư pháp.

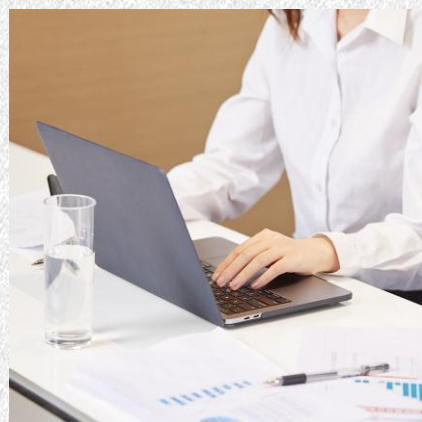
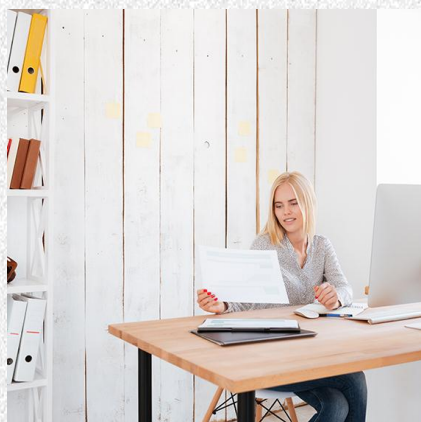
❑ Đối với việc kê biên tài sản

Để ra Quyết định kê biên tài sản phải dựa trên các căn cứ sau:

- Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
- Biên bản được lập theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.
- Pháp nhân thương mại chấp hành án không có tài khoản hoặc số tiền trong tài khoản tại tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam không đủ để bảo đảm việc cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp.
- Tài liệu xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại.

Một số trường hợp áp dụng kê biên tài sản:

- Kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp;
- Kê biên tài sản của pháp nhân thương mại đang do người thứ ba giữ;
- Kê biên vốn góp;
- Kê biên phương tiện giao thông;
- Kê biên, sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ.
- Kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm;
- Kê biên tài sản gắn liền với đất.





Cưỡng chế thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại

Các Tài sản không được kê biên theo quy định tại Điều 20 Nghị định 44, gồm:

- Tài sản bị cấm lưu thông theo quy định của pháp luật; tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng; tài sản do ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan, tổ chức;
- Số thuốc phục vụ việc phòng, chữa bệnh cho người lao động; lương thực, thực phẩm, dụng cụ và tài sản khác phục vụ bữa ăn cho người lao động;
- Nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế và thiết bị, phương tiện, tài sản khác thuộc các cơ sở này, nếu không phải là tài sản để kinh doanh;
- Trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường.



❖ Về nguyên tắc áp dụng cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại, Điều 3 Nghị định 44 nêu rõ:

- Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Việc quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phải căn cứ vào hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại, nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa Phương;
- Thời hạn áp dụng biện pháp cưỡng chế để bảo đảm thi hành án không quá thời hạn chấp hành hình phạt theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; thời hạn bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp được xác định khi biện pháp tư pháp được thi hành xong;
- Pháp nhân thương mại có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp cưỡng chế trong cùng một thời điểm nếu việc áp dụng một biện pháp cưỡng chế không đủ để bảo đảm thi hành án;
- Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có liên quan trong cưỡng chế thi hành án.

Nghị định 44 có hiệu lực kể từ 01/6/2020.

Một số điểm mới của Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư

Vào ngày 28/02/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 25/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư ("**Nghị định 25**"). Theo đó, Nghị định 25 có hiệu lực vào ngày 20/04/2020 và thay thế Nghị định 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015, với một số điểm mới đáng chú ý như sau:

❖ Về phạm vi điều chỉnh

Nghị định 25 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án, bao gồm:

- Dự án hợp tác công - tư (PPP) theo quy định của pháp luật về đầu tư PPP.
- Dự án đầu tư có sử dụng đất để xây dựng nhà ở thương mại, công trình thương mại, dịch vụ, công trình đa năng, tổ hợp đa năng cho mục đích kinh doanh.
- Dự án không thuộc hai loại trên nhưng phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa.

❖ Về điều kiện của nhà đầu tư tham dự thầu

Nhà đầu tư tham dự thầu được đánh giá là độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu tư vấn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu quy định tại Điều 6.4 của Luật Đấu thầu khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Nhà đầu tư tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với nhà thầu tư vấn sau đây:
 - ✓ Nhà thầu tư vấn thẩm tra, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ thiết kế, dự toán.
 - ✓ Nhà thầu tư vấn lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư.
- Nhà đầu tư tham dự thầu và nhà thầu tư vấn không cùng có tỷ lệ sở hữu từ 30% vốn cổ phần, vốn góp trở lên của một tổ chức, cá nhân khác đối với từng bên. Trường hợp nhà đầu tư tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định bằng tổng tỷ lệ cổ phần, vốn góp tương ứng của từng thành viên trong liên danh.
- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu không có tỷ lệ sở hữu vốn trên 49% cổ phần, vốn góp của nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư tham dự thầu với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu trong liên danh được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$$

Trong đó:

- ✓ **X_i**: là tỷ lệ sở hữu vốn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu trong thành viên liên danh thứ i.
- ✓ **Y_i**: là tỷ lệ góp vốn của thành viên liên danh thứ i tại thỏa thuận liên danh, **n**: là số thành viên tham gia trong liên danh.

❖ Về ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP

Nghị định 25 bổ sung thêm một trường hợp được ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP, cụ thể như sau: trường hợp dự án áp dụng loại hợp đồng BT, nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi được trừ đi một khoản giá trị bằng 5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) mà nhà đầu tư đó đề xuất để so sánh, xếp hạng.

❖ Về trách nhiệm đăng tải thông tin về đấu thầu

Căn cứ Điều 4 Nghị định 25, trách nhiệm đăng tải thông tin về đấu thầu được bổ sung một số điểm mới như sau:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động đầu tư PPP có trách nhiệm đăng tải thông tin dự án, danh mục dự án PPP và thông tin khác có liên quan quy định tại các điểm i và 1 khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu; thông tin dự án, danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất, thông tin về việc gia hạn hoặc thay đổi thời hạn đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (nếu có), kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại các điểm i và 1 khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu.
- Bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông tin quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu và thông tin về việc thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có); thông tin hợp đồng dự án PPP, dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 8.1.1 của Luật Đấu thầu.
- Nhà đầu tư có trách nhiệm tự đăng tải và cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm của mình vào cơ sở dữ liệu nhà đầu tư theo quy định tại Điều 5.1.d và Điều 8.1.k của Luật Đấu thầu.
- Đối với dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước, việc công khai thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm bí mật nhà nước.

❖ Giảm thời gian thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư dự thầu

- Thời gian thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư tối đa là 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt. Như vậy, thời gian thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư đã được rút ngắn 10 ngày so với quy định tại Nghị định 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015.
- Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư đối với một số nội dung khác vẫn được giữ nguyên, đơn cử như:
 - ✓ Thời gian phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định.
 - ✓ Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển tối thiểu là 30 ngày, kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời sơ tuyển cho đến ngày có thời điểm đóng thầu. Nhà đầu tư phải nộp hồ sơ dự sơ tuyển trước thời điểm đóng thầu.



Một số điểm mới của Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư

❖ Quy định cụ thể hình thức đấu thầu rộng rãi quốc tế đối với dự án đầu tư có sử dụng đất

Nghị định 25 quy định việc áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi quốc tế đối với dự án đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Có sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) từ 800.000.000.000 (tám trăm tỷ) đồng trở lên.
- Có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại Điều 13.3 Nghị định 25, trong đó có ít nhất một nhà đầu tư nước ngoài.
- Không thuộc trường hợp hạn chế nhà đầu tư nước ngoài tham gia hoặc vì lý do đảm bảo quốc phòng, an ninh.

❖ Phân định rõ trường hợp giao đất, cho thuê đất

Nghị định 25 phân định rõ trường hợp giao đất, cho thuê đất theo một trong ba hình thức gồm: (i) đấu thầu dự án theo Luật Đấu thầu; (ii) đấu giá quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai; (iii) quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư.

❖ Về điều kiện xác định dự án đầu tư có sử dụng đất

Điều 11 Nghị định 25 quy định điều kiện xác định dự án đầu tư có sử dụng đất như sau:

- Thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất được duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc thuộc khu đất do Nhà nước đang quản lý, sử dụng; chương trình phát triển đô thị (nếu có) theo quy định của pháp luật về phát triển đô thị.
- Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; quy hoạch xây dựng có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/500 (nếu có) hoặc quy hoạch phân khu đô thị có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000 theo quy định của pháp luật.
- Không đủ điều kiện để tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

❖ Về danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất:

Nghị định 25 bổ sung một số điểm mới về việc lập danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất như sau:

- Dự án thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Điều 1.1.b Nghị định 25 và đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 11 Nghị định 25 (trừ dự án thuộc trường hợp quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu hoặc Điều 10.3 Nghị định 25) được tổng hợp vào danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất.
- Về nội dung công bố thông tin, Nghị định 25 quy định một số nội dung mới so với Nghị định 30/2015/NĐ-CP, như: Tóm tắt các yêu cầu cơ bản của dự án; thời hạn, tiến độ đầu tư; yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; thời hạn để nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa quy định lộ trình áp dụng và hướng dẫn chi tiết theo quy định tại Điều 91.1.b Nghị định 25, nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tới Sở Kế hoạch và Đầu tư.

❖ Đấu thầu – giao đất/cho thuê đất

- Điều 60.2 Nghị định 25 đã quy định rõ việc giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư trúng đấu thầu được triển khai ngay sau khi hoàn thành bồi thường, hỗ trợ tái định cư khu đất thực hiện dự án.
- Đồng thời, việc giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư trúng đấu thầu được thực hiện theo trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất quy định tại Điều 68.3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

❖ Xác định giá sàn nộp ngân sách nhà nước trên cơ sở giá trị tăng bình quân sau trúng đấu giá

Theo Điều 47.2.k Nghị định 25, giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m_3) được bên mời thầu xác định theo công thức: $m_3 = s \times \Delta G \times k$, trong đó:

- ✓ S là diện tích phần đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của khu đất, quỹ đất dự kiến giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư để thực hiện dự án.
- ✓ ΔG là giá trị tăng bình quân sau trúng đấu giá quyền sử dụng đất tính trên một đơn vị diện tích của các khu đất, quỹ đất có cùng mục đích sử dụng đất trong phạm vi địa phương hoặc khu vực có khu đất, quỹ đất thực hiện dự án. Trường hợp tại địa phương thực hiện dự án không có các khu đất, quỹ đất có cùng mục đích sử dụng đất thì tham chiếu cơ sở dữ liệu về đất đai của các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương tự.
- ✓ k là hệ số điều chỉnh giá trị tăng bình quân sau trúng đấu giá của các khu đất, quỹ đất có tính đến yếu tố tương đồng với khu đất, quỹ đất thực hiện dự án và các yếu tố cần thiết khác (nếu có).

Giá trị này được xác định mang tính tương đối, là căn cứ để nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước và độc lập với tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp theo quy định của pháp luật về đất đai.





GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

Bản Tin Pháp Luật
Tháng 5/2020

BÀI VIẾT

Chúng tôi xin giới thiệu bài viết pháp luật của Luật sư Hồ Thị Trâm, Luật sư Hoàng Thị Hoài Thu và Chuyên gia Lương Văn Lý có tiêu đề: **“Thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại khi hoàn cảnh thay đổi bởi Covid-19”** được đăng trên website www.lsvn.vn ngày 07/5/2020.





Bài viết: Thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại khi hoàn cảnh thay đổi bởi Covid-19

Gần đây doanh nghiệp đang coi dịch Covid-19 là sự kiện bất khả kháng để được miễn trừ trách nhiệm trong một số quan hệ pháp luật lao động, việc làm, thuê, kinh tế... Bên cạnh sự kiện bất khả kháng, có một giải pháp khác mà doanh nghiệp có thể áp dụng là hoàn cảnh thay đổi cơ bản mà các bên không thể dự liệu được tại thời điểm giao kết hợp đồng, theo điều 420 của Bộ luật Dân sự 2015.

ÁP DỤNG TRONG TRƯỜNG HỢP NÀO?

Khi ký kết hợp đồng, dịch Covid-19 chưa xuất hiện, việc sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường. Khi xảy ra dịch bệnh và những hệ lụy khốc liệt của nó, hoàn cảnh thực hiện hợp đồng dường như có sự thay đổi lớn. Tuy nhiên, dưới góc độ pháp lý, việc xác định sự “thay đổi cơ bản” của hoàn cảnh phải dựa trên những tiêu chí rất chặt chẽ. Cần phải hội đủ năm điều kiện⁽¹⁾:

1. Sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng;
2. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh;
3. Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác;
4. Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; và
5. Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích.

Có thể lấy một ví dụ để minh họa: công ty A và công ty B giao kết hợp đồng kinh tế, trong đó công ty A đặt mua hàng hóa của công ty B nhưng yêu cầu nguyên liệu làm ra hàng hóa phải có xuất xứ từ nước H. Nếu không sử dụng đúng nguyên liệu có xuất xứ từ nước H thì công ty B phải chịu phạt 10 lần giá trị hợp đồng; nếu giao chậm bị tính lãi 10% kể cả trường hợp bất khả kháng. Tuy nhiên, sau khi giao kết hợp đồng, dịch bệnh lây lan trên toàn thế giới, trong đó có nước H. Theo chính sách của nước H là đóng cửa biên giới, mọi hoạt động xuất khẩu tạm dừng nên công ty B không thể mua được đầy đủ số nguyên liệu từ nước H như hợp đồng quy định.

Trong khi đó, nhiều nhân công của công ty B xin nghỉ không lương để tránh dịch bệnh, một số trong diện cách ly tập trung. Mặc dù chỉ với một phần nguyên liệu mua được từ nước H trước khi có dịch bệnh, công ty B vẫn muốn tiếp tục hợp đồng với công ty A với điều kiện hai bên thương lượng và sửa đổi/điều chỉnh một số điều khoản trong hợp đồng, như nguyên liệu, phạt, điều chỉnh đơn giá sản phẩm hay thời hạn giao hàng trong hợp đồng.

Trong ví dụ nêu trên, hoàn cảnh thực hiện hợp đồng của công ty B có thỏa mãn các điều kiện của hoàn cảnh thay đổi cơ bản hay không, yếu tố nào để đánh giá? Sự kiện dịch bệnh Covid-19? Biên giới đóng cửa? Nhân công xin nghỉ không lương? Nhân công bị cách ly?

Yếu tố dịch bệnh lây lan, bùng phát có tính chất khách quan, ngoài ý muốn chủ quan, không lường trước được của công ty B trước khi ký kết hợp đồng. Sự kiện này có thể được xem là nguyên nhân khách quan khiến cho hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có sự thay đổi khác nhiều so với những gì diễn ra trước khi hai bên giao kết hợp đồng. Dịch bệnh đã khiến cho nước H phải đóng cửa biên giới, nhân công của công ty B xin nghỉ không lương và cũng khiến một số bị cách ly. Nếu công ty B biết tình huống này xảy ra, công ty B sẽ thương lượng với công ty A về việc sử dụng nguyên liệu trong nước hoặc có thể không ký hợp đồng với công ty A. Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho công ty B bởi vì nguyên liệu không đúng xuất xứ từ nước H, thời gian giao hàng cũng có thể không đáp ứng do nhân công thiếu. Trong khi đó, hợp đồng đã quy định rằng công ty B phải chịu phạt, ngay cả khi xuất hiện sự kiện bất khả kháng. Rõ ràng, công ty B đang rơi vào “tình thế oái oăm” mà không hề biết trước, cũng không thể dự liệu được tại thời điểm giao kết hợp đồng.

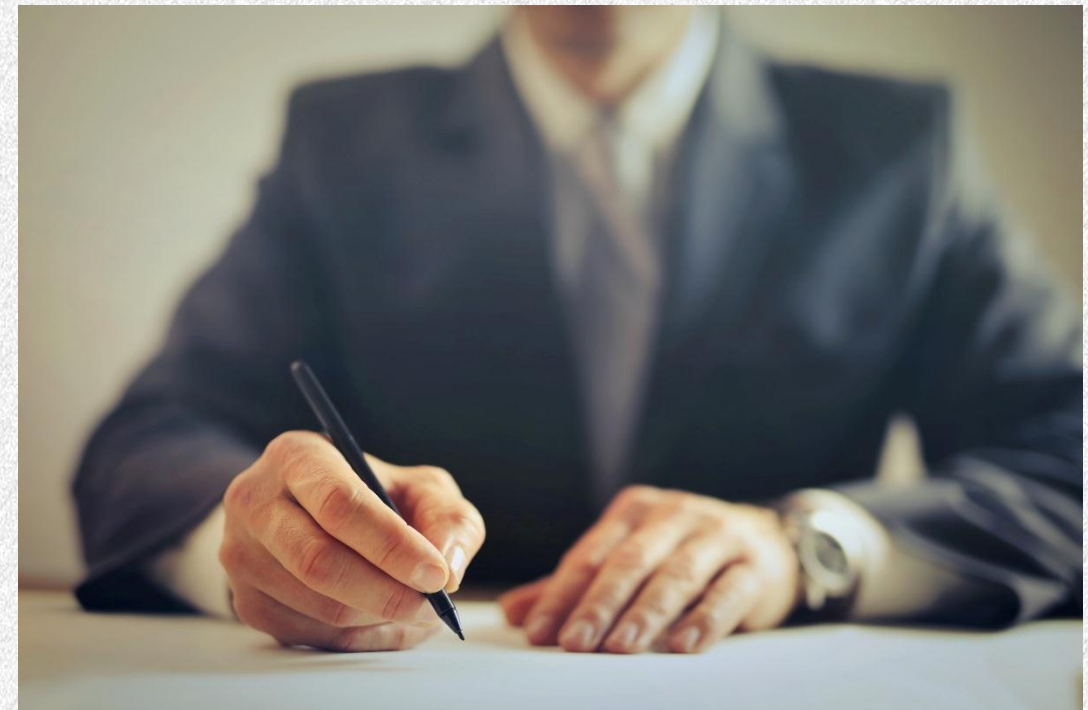


Bài viết: Thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại khi hoàn cảnh thay đổi bởi Covid-19

THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG KHI HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN

Khoản 2 điều 420 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng trong một thời hạn hợp lý. Việc được quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng có thể là cánh cửa giúp công ty B trao đổi, thảo luận lại về việc thực hiện hợp đồng nhằm tháo gỡ tình thế mà công ty B đang đối mặt. Bộ luật Dân sự cũng dự liệu trường hợp nếu các bên không thể thỏa thuận được về việc sửa đổi hợp đồng trong một thời hạn hợp lý thì một trong các bên có thể yêu cầu tòa án^[2]: (i) chấm dứt hợp đồng tại một thời điểm xác định hoặc (ii) sửa đổi hợp đồng để cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên do hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Trong đó, các doanh nghiệp cần lưu ý rằng tòa án chỉ được quyết định việc sửa đổi hợp đồng nếu việc chấm dứt hợp đồng có khả năng gây thiệt hại lớn hơn so với các chi phí để thực hiện hợp đồng (nếu được sửa đổi). Đặc biệt, trong quá trình đàm phán sửa đổi, chấm dứt hợp đồng, tòa án giải quyết vụ việc, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác^[3]. Tất nhiên, khi chọn giải pháp đàm phán hay yêu cầu tòa án giải quyết, các doanh nghiệp yêu cầu sửa đổi hợp đồng phải có nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp^[4].

Như vậy, bên cạnh sự kiện bất khả kháng thì quy định về hoàn cảnh thay đổi cơ bản cũng là một quy định rất có ý nghĩa cho doanh nghiệp, tạo thêm giải pháp giải quyết vấn đề trong hoàn cảnh khó khăn nhất định. Xuất phát từ nguyên tắc của pháp luật dân sự là tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận, bên cạnh các quy định về sự kiện bất khả kháng, các bên cũng nên coi trọng quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.



Theo đó, để dễ dàng cho các bên trong giải quyết tranh chấp, các bên trong hợp đồng nên định nghĩa rõ ràng về (i) hoàn cảnh thay đổi cơ bản, (ii) liệt kê nguyên nhân khách quan, chủ quan, (iii) quy định rõ trách nhiệm của các bên phải thực hiện khi xảy ra sự thay đổi cơ bản, quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoàn cảnh đó. Khi đó, việc giải quyết tranh chấp, dù thông qua thương thảo điều chỉnh hợp đồng hay giải quyết tại cơ quan tài phán có thẩm quyền, sẽ thuận lợi hơn.

^[1] Điều 420.1 của Bộ luật Dân sự 2015

^[2] Điều 420.3 của Bộ luật Dân sự 2015

^[3] Điều 420.4 của Bộ luật Dân sự 2015.

^[4] Điều 6.1 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.



ĐỌC BÁO GIÚP BẠN



01

Siết Quy Định
Mua, Bán Trái
Phiếu Doanh
Ngh nghiệp Với TCTD



02

Từ 01/01/2020 Thu
Nhập Trên 11 Triệu
Mới Phải Đóng Thuế
Thu Nhập Cá Nhân



03

Cách kích hoạt điều
khoản 'bất khả
kháng' trong hợp
đồng với Covid-19



Siết Quy Định Mua, Bán Trái Phiếu Doanh Nghiệp Với TCTD

“Các tổ chức tín dụng (TCTD) sẽ không được mua trái phiếu doanh nghiệp nếu tỷ lệ nợ xấu trên 3%. Dự thảo cũng quy định TCTD không được mua TPDN phát hành có mục đích để góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác.”

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đang lấy ý kiến về dự thảo thông tư quy định tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (gọi chung là TCTD) mua, bán trái phiếu doanh nghiệp (TPDN).

Dự thảo Thông tư một số điểm mới theo hướng siết chặt việc giao dịch TPDN của TCTD. Đơn cử, dự thảo quy định TCTD chỉ được mua TPDN khi có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán tại thời điểm mua, trừ trường hợp mua TPDN theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

TCTD không được mua trái phiếu bao gồm mua từ phát hành lần đầu và mua lại từ các tổ chức cá nhân khác của doanh nghiệp phát hành có phát sinh nợ xấu tại TCTD mua và tại TCTD khác trong vòng 12 tháng gần nhất trước thời điểm quyết định phê duyệt mua. Quy định này nhằm hạn chế các TCTD không kiểm soát được tỷ lệ nợ xấu dưới 3% nhưng vẫn thực hiện mua bán TPDN, đồng thời góp phần hạn chế nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng của các TCTD.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng quy định TCTD không được mua TPDN phát hành có mục đích để góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác. Điều này nhằm hạn chế việc TCTD không được mua trái phiếu phát hành để góp vốn, mua cổ phần tại các doanh nghiệp vì qua kiểm tra phát hiện một số trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu với mục đích thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, tăng quy mô vốn nhưng thực tế huy động để góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác. Các TCTD khó kiểm soát mục đích sử dụng vốn, dòng tiền từ nguồn phát hành trái phiếu.

Một quy định khác cũng được đề cập trong dự thảo là TCTD mua bán TPDN với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn, khi thực hiện bán TPDN này cho TCTD khác thì không mua lại các TPDN đã bán và/hoặc trái phiếu phát hành cùng lô/cùng đợt phát hành với TPDN đã bán trừ trường hợp bán TPDN theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ngoài ra, dự thảo cũng đề cập một số quy định kế thừa về Thông tư 22 và Thông tư 15 như TCTD không được vay vốn của TCTD khác để mua TPDN, không được mua TPDN với mục đích cơ cấu lại các khoản nợ của chính doanh nghiệp phát hành. Dự thảo thông tư cũng quy định về trách nhiệm của các TCTD, quy định nội bộ về các hoạt động liên quan đến mua bán, nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp.



Từ 01/01/2020 Thu Nhập Trên 11 Triệu Mới Phải Đóng Thuế Thu Nhập Cá Nhân

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quyết định thông qua nghị quyết Ủy ban Thường vụ về việc tăng mức giảm trừ gia cảnh lên 11 triệu đồng theo đề xuất của Chính phủ.

Tại họp báo về kỳ họp Quốc hội 9, chiều 18.5, trả lời câu hỏi liên quan tới tăng mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế thu nhập cá nhân mà Chính phủ vừa đề xuất, ông Nguyễn Trường Giang, Phó tổng thư ký Quốc hội cho biết, tại phiên họp 45 hồi tuần trước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã xem xét và quyết định tăng mức giảm trừ gia cảnh lên 11 triệu đồng theo tờ trình của Chính phủ.

Ông Giang cho biết, theo ủy quyền của Quốc hội thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội không có quyền quyết định đối tượng nào chịu thuế, mà chỉ quyết định điều chỉnh mức tăng giảm trừ gia cảnh nếu CPI biến động tăng trên 20% trên cơ sở đề xuất của Chính phủ. Thực tế từ năm 2013 đến nay CPI đã tăng 23,2%.

"Đề xuất tăng mức giảm trừ gia cảnh lên 11 triệu đồng của Chính phủ là phù hợp với biến động tăng của CPI", ông Trường Giang khẳng định.

Theo đề xuất của Chính phủ, mức giảm trừ gia cảnh mới sẽ áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2020, do theo quy định hiện hành kỳ tính thuế tiền công, tiền lương của doanh nghiệp được tính theo năm, từ ngày 1.1. Các trường hợp đã tạm nộp thuế theo mức giảm trừ gia cảnh 9 triệu đồng 1 tháng, 3,6 triệu đồng với mỗi người phụ thuộc thì sẽ được xác định lại số thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo mức giảm trừ gia cảnh mới khi quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2020.



Theo tờ trình Chính phủ gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mức giảm trừ gia cảnh nâng từ 9 triệu đồng lên 11 triệu đồng 1 tháng, người phụ thuộc từ 3,6 triệu đồng lên 4,4 triệu đồng 1 tháng. Chính phủ cho biết sẽ có khoảng 1 triệu người không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.

Thẩm tra dự thảo nghị quyết này, Ủy ban Tài chính Ngân sách của Quốc hội bày tỏ đồng tình với mức giảm trừ gia cảnh này. Tuy nhiên, Ủy ban này đề nghị thời gian tới Chính phủ tổng kết, đánh giá tổng thể việc thực hiện luật Thuế thu nhập cá nhân giai đoạn 2011 - 2020 để sửa đổi một cách căn bản, toàn diện.

Theo Lê Hiệp, thanhnien.vn



Cách kích hoạt điều khoản 'bất khả kháng' trong hợp đồng với Covid-19

Bài viết có tiêu đề: **Cách kích hoạt điều khoản “bất khả kháng” trong hợp đồng với Covid-19**, được trình bày dựa trên một số nội dung quan trọng trong buổi tọa đàm ngày 01/5/2020 với chủ đề: “Những vấn đề pháp lý của doanh nghiệp nhìn từ đại dịch” do Thời báo kinh tế Sài Gòn và Hội doanh nhân trẻ thành phố Hồ Chí Minh đồng tổ chức. Theo đó, trong vai trò là diễn giả chính, Luật sư Trần Thanh Tùng của Công ty luật Global Vietnam Lawyers (GV Lawyers) và Luật sư Trần Võ Quốc Sơn của Công ty Điện Tử Samsung Việt Nam đã có chia sẻ một số ý kiến dưới góc nhìn pháp luật về ảnh hưởng của COVID 19 đối với doanh nghiệp và phân tích một số giải pháp pháp lý để giảm thiểu những rủi ro pháp lý trong giai đoạn COVID 19.

Các ảnh hưởng bởi Covid-19 có thể được xem là bất khả kháng, nhưng thực tế triển khai điều khoản này trong hợp đồng không dễ.

Chia sẻ tại buổi tọa đàm trực tuyến do Saigon Times tổ chức sáng ngày 1/5, luật sư Trần Thanh Tùng của Công ty Luật Global Vietnam Lawyers, cho biết Covid-19 gây ra hậu quả pháp lý với nhiều doanh nghiệp.

Theo đó, một số công ty không nhận được nguyên liệu của nhà cung cấp dẫn đến không thể hoàn thành đơn hàng đã ký. Các phương án chống dịch, giãn cách xã hội cũng làm xáo trộn tình hình kinh doanh, quản trị nhân sự. Luật sư Tùng cho biết, những thực trạng này khiến doanh nghiệp muốn dừng hợp đồng theo điều khoản bất khả kháng.

Trong 3 yếu tố để có thể “kích hoạt” dừng hợp đồng theo điều khoản bất khả kháng là tác động khách quan, bất khả kháng và không thể khắc phục. Theo luật sư Tùng, Covid-19 có thể được xem là một trường hợp để dùng điều khoản bất khả kháng, nhưng phải chứng minh được người có trách nhiệm thực hiện hợp đồng đã dùng hết khả năng mà vẫn không thể khắc phục.

Luật sư Trần Võ Quốc Sơn, Luật sư trưởng Công ty Điện Tử Samsung Việt Nam cho biết thực tế triển khai với điều khoản về trường hợp bất khả kháng gặp nhiều khó khăn vì phải đặt trong một hợp đồng cụ thể mới xác định được. “Để chứng minh không thể thực hiện hợp đồng cũng phải là một nghệ thuật, trong đó có quyền lực mềm, cách thuyết phục. Phải có tính khách quan mới giải quyết được nguyện vọng của mình”, ông Sơn nói.



Từ trái sang, MC Quốc Khánh, luật sư Trần Thanh Tùng, luật sư Trần Võ Quốc Sơn tại buổi tọa đàm trực tuyến sáng ngày 1/5. Ảnh: TBKTSG

Để áp dụng trường hợp bất khả kháng, trước hết phải xem xét lại 3 yếu tố quan trọng là phạm vi của hợp đồng, điều kiện chấm dứt hợp đồng và điều kiện tiên quyết. Đầu tiên, nếu không bàn về vấn đề bất khả kháng thì nên bàn về điều khoản chấm dứt hợp đồng trước hạn hay thay đổi hợp đồng.

Còn khi hợp đồng có điều khoản về bất khả kháng riêng biệt, theo ông Sơn, vấn đề là tập quán của doanh nghiệp trước giờ vẫn là bề nguyên điều khoản bất khả kháng, liệt kê các yếu tố tác động từ Covid-19 mà quên mất hệ thống luật quy định về bất khả kháng mỗi nơi mỗi khác. “Mỗi công ước quốc tế lại có những điều khoản áp dụng khác nhau nên tùy thuộc vào việc thương thảo hợp đồng ra sao cho cụ thể. Qua đó áp dụng cách nào hợp lý nhất cho lợi ích các bên”, ông Sơn nói.

Nếu một bên áp dụng điều khoản bất khả kháng nhưng bên kia không đồng ý, theo luật sư Tùng, cần xử lý khéo để vẫn duy trì được bạn hàng. Nên bắt đầu giải quyết từ khía cạnh lợi ích của đôi bên hơn là bằng pháp lý. Chỉ sau khi xử lý theo hướng lựa chọn về lợi ích không được mới chọn xử lý bằng pháp lý. Khi đó cần xem có thuộc trường hợp bất khả kháng không.

Còn theo luật sư Trần Võ Quốc Sơn, trường hợp này cần ưu tiên đề xuất phương án giải quyết thích hợp cho đôi bên. Ví dụ, trong cho thuê mặt bằng, có trường hợp đối tác đã điều chỉnh hợp đồng. Trong sản xuất thì đối tác sẽ chia sẻ chi phí. “Tuy nhiên, cần chú ý việc vận dụng, được hay không đều là vấn đề khó khăn và hết sức nhạy cảm. Nếu không cân nhắc thì sẽ đi ngược lại hợp đồng, làm suy yếu hợp đồng, xói mòn lòng tin”, ông Sơn lưu ý.



Cách kích hoạt điều khoản 'bất khả kháng' trong hợp đồng với Covid-19

Hiện có doanh nghiệp bị đối tác cung ứng nguyên liệu ở Trung Quốc vin vào đại dịch làm lý do bất khả kháng để tăng giá. Theo luật sư Trần Thanh Tùng, để giải quyết tình huống này cần trả lời các câu hỏi như: Việc đặt cọc cho đơn hàng ra sao? Việc tìm ra loại nguyên vật liệu thay thế có khó không? Giao hàng từng tuần không?

Luật sư Trần Võ Quốc Sơn lưu ý thêm rằng cần xem xét loại mặt hàng này là gì. Sẽ khó áp dụng bất khả kháng nếu là hàng thiết yếu. Còn nếu sản phẩm này chỉ đơn vị đó làm được thì có thể xem xét để áp chi phí tăng thêm.

Đại dịch cũng là thời điểm để doanh nghiệp hoàn thiện lại các điều khoản về trường hợp bất khả kháng trong hợp đồng với đối tác. Luật sư Trần Thanh Tùng cho biết, các doanh nghiệp Việt Nam thường sao chép các hợp đồng mẫu. Điều này là tốt nhưng cũng cần thay đổi cho phù hợp với điều kiện cụ thể.



Ngoài ra, điều quan trọng là không nên nhìn nhận hợp đồng ở góc độ đi xử lý tình huống khi có tranh chấp. Thay vào đó, việc quản trị hợp đồng cần phải có tầm nhìn xa hơn, với chính sách mua sắm, lựa chọn đối tác, nhà cung cấp... để được chủ động. Lúc đó, doanh nghiệp mới lưu mẫu hợp đồng, sau đó tư duy các tình huống để soạn thảo hợp đồng cho phù hợp thực tế.

Khi đã có mẫu hợp đồng, doanh nghiệp phải đặt vấn đề xử lý hợp đồng như thế nào, bộ phận nào đưa hợp đồng lên, bộ phận nào sẽ thẩm duyệt hay ký kết cuối cùng, sau đó dùng mẫu này đi thương thảo ký kết.

Theo Viễn Thông, vnexpress.net
Nội dung chi tiết buổi tọa đàm xem tại

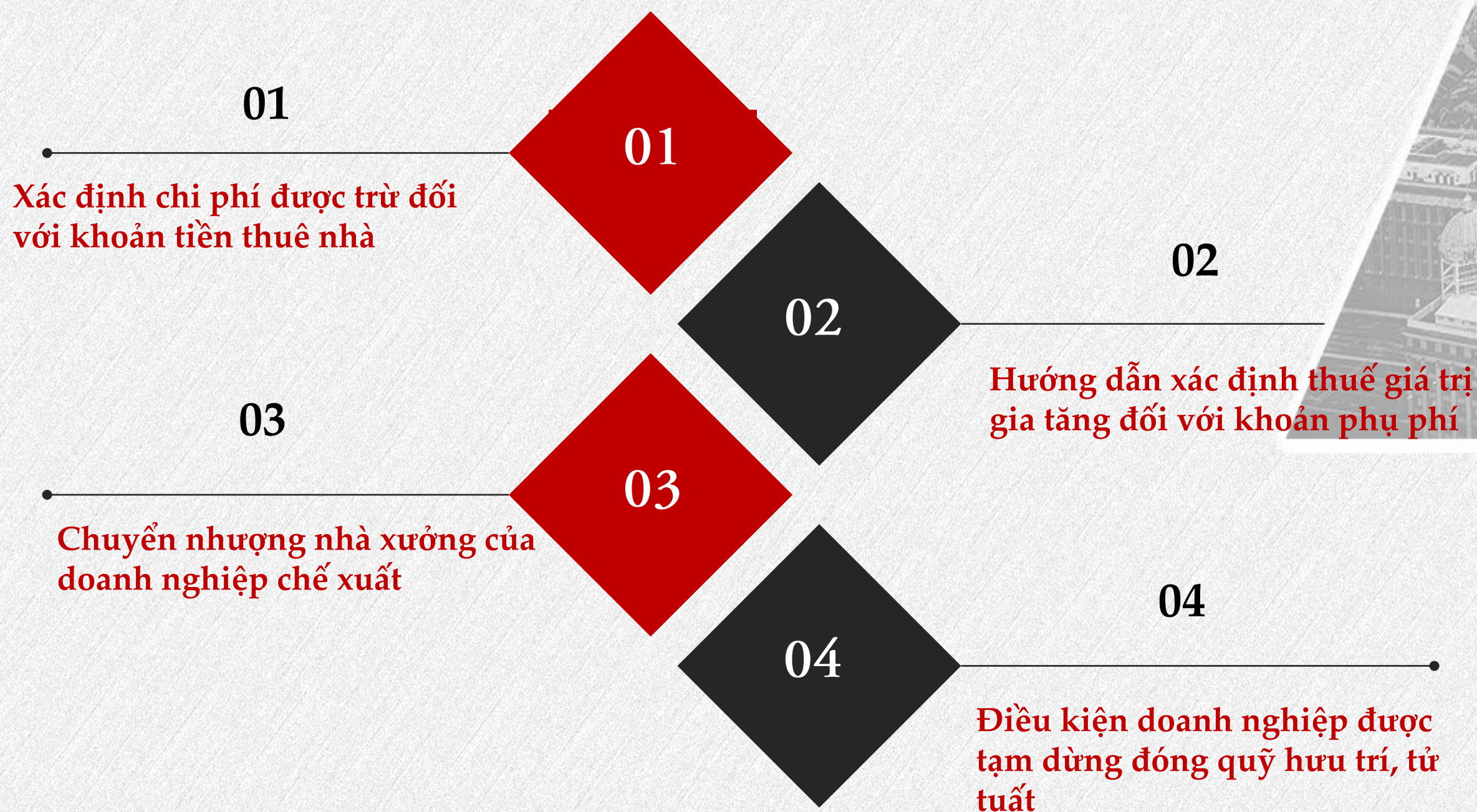
<https://www.thesaigontimes.vn/td/303112/tuong-thuat-truc-tuyen-toa-dam-nhung-van-de-phap-ly-cua-doanh-nghiep-nhin-tu-dai-dich.html>



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

Bản Tin Pháp Luật
Tháng 5/2020

GIẢI ĐÁP VƯƠNG MẮC





GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

Giải Đáp Vương Mặc

1. Xác định chi phí được trừ đối với khoản tiền thuê nhà

- Việc thanh toán không dùng tiền mặt chỉ áp dụng trong trường hợp khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT). Trường hợp doanh nghiệp thuê nhà của cá nhân để làm văn phòng thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản và chứng từ trả tiền thuê tài sản. Cá nhân cho thuê tài sản không phải lập hóa đơn trong trường hợp này.
- Trường hợp tại hợp đồng thỏa thuận doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì tổng số tiền thuê nhà bao gồm cả phần thuế nộp thay cho cá nhân được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

(Hướng dẫn tại Công văn 30300/CT-TTHT ngày 05/5/2020 của Cục thuế Thành phố Hà Nội).



2. Hướng dẫn xác định thuế giá trị gia tăng đối với khoản phụ phí

Trường hợp Công ty có sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển của các hãng tàu trong và ngoài nước và có phát sinh khoản phụ phí giảm thải lưu huỳnh (sau đây gọi tắt là khoản phụ phí) phải nộp cho các hãng tàu thì xác định thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với khoản phụ phí này về nguyên tắc như sau:

Trường hợp Công ty sử dụng dịch vụ của các hãng tàu nước ngoài:

- ✓ Nếu khoản phụ phí này được xác định là khoản phụ thu theo giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển của hãng tàu nước ngoài thì thuộc đối tượng không phải kê khai tính nộp thuế GTGT.
- ✓ Trường hợp khoản phụ phí này được xác định là khoản phụ thu khác ngoài giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển mà hãng tàu nước ngoài được hưởng từ dịch vụ được thực hiện ngoài Việt Nam thì không thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế GTGT, thuế TNDN) tại Việt Nam, trường hợp được hưởng từ dịch vụ thực hiện tại Việt Nam thì thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu tại Việt Nam (nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 5% trên doanh thu, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 5% trên doanh thu).

Trường hợp Công ty sử dụng dịch vụ của các hãng tàu Việt Nam:

- ✓ Nếu khoản phụ phí này được xác định là khoản phụ thu theo giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển thì áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hoạt động vận tải quốc tế nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.
- ✓ Nếu khoản phụ phí này được xác định là khoản phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển, dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam thì áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%.

(Hướng dẫn tại Công văn 25222/CT-TTHT ngày 20/4/2020 của Cục thuế Thành phố Hà Nội).



Giải Đáp Vương Mặc

3. Chuyển nhượng nhà xưởng của doanh nghiệp chế xuất

Công ty bán cho doanh nghiệp chế xuất (DNCX) công trình Trung tâm kỹ thuật và Nhà máy sản xuất thì các thiết bị được bán kèm theo có nguồn gốc nhập khẩu hoặc được mua từ nội địa thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 51 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 75 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Đề nghị Công ty căn cứ thực tế hoạt động xây dựng các công trình để xác định nguồn gốc thiết bị được bán kèm theo Trung tâm kỹ thuật và Nhà máy sản xuất, cụ thể:

- Đối với thiết bị được mua từ nội địa (không phải làm thủ, tục nhập khẩu) hoặc thiết bị có nguồn gốc nhập khẩu nhưng đã thực hiện đầy đủ chính sách thuế, chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu khi Công ty đang hưởng chính sách DNCX thì không phải làm thủ tục hải quan và kê khai nộp thuế khi chuyển đổi loại hình từ DNCX sang doanh nghiệp không hưởng chính sách DNCX.
- Đối với thiết bị có nguồn gốc nhập khẩu (bao gồm: nhập khẩu từ nước ngoài, từ nội địa, từ DNCX) chưa thực hiện đầy đủ chính sách thuế, chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu thì trước khi thực hiện chuyển nhượng cho DNCX khác, đề nghị Công ty thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

(Hướng dẫn tại Công văn 2869/TCHQ-GSQL ngày 04/5/2020 của Tổng cục Hải quan).

03

3. Chuyển nhượng nhà xưởng của doanh nghiệp chế xuất





Giải Đáp Vương Mặc



4. Điều kiện doanh nghiệp được tạm dừng đóng quỹ hưu trí, tử tuất



Theo Công văn 1511/LĐTĐ-BHXH ngày 04/05/2020 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định cụ thể về việc doanh nghiệp được tạm dừng đóng quỹ hưu trí, tử tuất như sau:

Các trường hợp được tạm dừng gồm có:

Tạm dừng sản xuất, kinh doanh từ 1 tháng trở lên do gặp khó khăn khi thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc do khủng hoảng, suy thoái kinh tế hoặc thực hiện chính sách của Nhà nước khi tái cơ cấu nền kinh tế hoặc thực hiện cam kết quốc tế.

Gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, mất mùa.

Các điều kiện cụ thể để được tạm dừng đóng

Doanh nghiệp thuộc một trong hai trường hợp nêu trên nếu có một trong các điều kiện sau đây sẽ được tạm dừng:

- Không bố trí được việc làm cho người lao động, trong đó số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) phải tạm thời nghỉ việc từ 50% tổng số lao động có mặt trước khi tạm dừng sản xuất, kinh doanh trở lên.
- Bị thiệt hại trên 50% tổng giá trị tài sản do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, mất mùa gây ra (không kể giá trị tài sản là đất).

Đã đóng đủ BHXH đến tháng 01/2020 và bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 dẫn đến phải giảm trừ từ 50% lao động tham gia BHXH trở lên tại thời điểm có văn bản đề nghị so với thời điểm tháng 01/2020, số lao động tham gia BHXH tính giảm bao gồm:

- Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động (HĐLĐ), hợp đồng làm việc (HĐLV) theo quy định của pháp luật trừ đi số lao động mới giao kết HĐLĐ, HĐLV trong khoảng thời gian từ 01/02/2020 đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị;
- Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ mà thời gian tạm hoãn thực hiện HĐLĐ từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng;
- Số lao động đang nghỉ việc không hưởng tiền lương mà thời gian nghỉ việc không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.
- Số lao động đang ngừng việc mà thời gian ngừng việc từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng;
- Số lao động nêu trên chỉ bao gồm người làm việc theo HĐLV, HĐLĐ không xác định thời hạn, HĐLĐ xác định thời hạn, HĐLĐ có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 12 tháng; người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương.

(Hướng dẫn tại Công văn 1511/LĐTĐ-BHXH ngày 04/5/2020 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội).



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

Bản Tin Pháp Luật
Tháng 5/2020

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT BAN HÀNH TRONG THÁNG



Danh Mục Văn Bản Pháp Luật Ban Hành Trong Tháng

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
CHÍNH PHỦ			
1	Nghị định 52/2020/NĐ-CP về việc đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf	27/04/2020	15/06/2020
2	Nghị định 51/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện	21/04/2020	21/04/2020
3	Nghị định 50/2020/NĐ-CP quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai	20/04/2020	15/06/2020
4	Nghị định 49/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án Hình sự về tái hòa nhập cộng đồng	17/04/2020	15/06/2020
5	Nghị định 48/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn	15/04/2020	01/06/2020
6	Nghị định 47/2020/NĐ-CP về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan Nhà nước	09/04/2020	25/05/2020
7	Nghị định 46/2020/NĐ-CP về việc quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN để thực hiện Nghị định thư 7 về Hệ thống quá cảnh Hải quan	09/04/2020	01/06/2020
8	Nghị quyết 42/NQ-CP về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19	09/04/2020	09/04/2020
9	Nghị định 45/2020/NĐ-CP về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	08/04/2020	22/05/2020
10	Nghị định 44/2020/NĐ-CP quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại	08/04/2020	01/06/2020
11	Nghị định 43/2020/NĐ-CP quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc	08/04/2020	15/04/2020
12	Nghị định 42/2020/NĐ-CP về việc quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa	08/04/2020	01/06/2020
13	Nghị định 41/2020/NĐ-CP về việc gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất	08/04/2020	08/04/2020
14	Nghị định 40/2020/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công	06/04/2020	06/04/2020
15	Nghị định 39/2020/NĐ-CP về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Cuba giai đoạn 2020-2023	03/04/2020	20/05/2020

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
CHÍNH PHỦ			
16	Nghị định 38/2020/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	03/04/2020	20/05/2020
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ			
1	Quyết định 15/2020/QĐ-TTg quy định về thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	24/04/2020	24/04/2020
2	Chỉ thị 19/CT-TTg về tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới	24/04/2020	24/04/2020
3	Quyết định 14/2020/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	08/04/2020	01/06/2020
4	Quyết định 447/QĐ-TTg về việc công bố dịch COVID-19	01/04/2020	01/04/2020
BỘ CÔNG THƯƠNG			
1	Thông tư 08/2020/TT-BCT về việc quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa của Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba	08/04/2020	25/05/2020
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Thông tư 30/2020/TT-BTC về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tổ tụng hình sự và Nghị định 97/2019/NĐ-CP ngày 23/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 30/2018/NĐ-CP	17/04/2020	01/06/2020
2	Thông tư 29/2020/TT-BTC về việc hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công	17/04/2020	02/06/2020
3	Thông tư 23/2020/TT-BTC về việc quy định tạm ứng, vay ngân quỹ Nhà nước của ngân sách Nhà nước	13/04/2020	01/06/2020
4	Thông tư 21/2020/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36/2019/TT-BTC ngày 17/06/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán	08/04/2020	08/04/2020
BỘ XÂY DỰNG			
1	Thông tư 01/2020/TT-BXD về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình	06/04/2020	01/07/2020
UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			
1	Quyết định 10/2020/QĐ-UBND về mức hỗ trợ chi phí thuê nhà ở tạm cư cho hộ gia đình, cá nhân trong thời gian chờ bố trí nhà ở, đất ở tái định cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	10/04/2020	20/04/2020



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

Liên hệ với chúng tôi

info@gvlawyers.com.vn

Trụ sở chính – Tp. HCM

Tầng 8, Tòa nhà Centec
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 6, Quận 3
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 10A, Tòa nhà CDC
25 Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 (24) 3208 3555

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 3, Tòa nhà Indochina
Riverside, 74 Bạch Đằng
Quận Hải Châu
Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Bản Tin Pháp Luật
Tháng 5/2020

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể không chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi, GV Lawyers, tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.